

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày: 22-02-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Tý – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2023/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trương Hoàng S; Tên gọi khác: D; Sinh ngày: 29/02/1989; Nơi sinh: huyện T, tỉnh Cà Mau; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: G11/27, ấp G, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Họ tên cha: Không xác định; Họ tên mẹ: Trương Thị L (không rõ năm sinh); Vợ, con: C sống như vợ chồng với Mai Thị Kim N, có con chung tên Trương Hoàng D1 sinh ngày 27/4/2014; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 21/9/2023, chuyển tạm giam kể từ ngày 24/9/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện T (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Kim H; Sinh ngày: 12/4/1991; Nơi sinh: huyện T, tỉnh Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số A, tổ A, khu phố F, phường I, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: G13/43D, tổ A, ấp G, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con của ông Nguyễn Kim N1 (đã chết) và bà Lê Thị Minh C1, sinh năm 1968; Vợ: Trần Thị Thanh N2, sinh năm 1994; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh ngày 23/01/2023; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/9/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện T (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Quách Văn T; Sinh ngày: 17/01/1992; Nơi sinh: tỉnh Sóc Trăng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm F, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp G, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Họ tên cha: Không xác định; Họ tên mẹ: Quách Thị D2, sinh năm 1969; Vợ, con: Không; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 27/8/2014, bị Toà án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án hình sự số 102/2014/HS-ST, chưa được xóa án tích. Đến ngày 16/6/2020 bị Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án hình sự số 65/2020/HS-ST ngày 16/6/2020, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/5/2023, chưa được xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/9/2023, chuyển tạm giam kể từ ngày 24/9/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện T (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

+ Ông Võ Văn T1, sinh năm: 1983 và bà Phùng Thị Đ, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

+ Anh Nguyễn Đức H1, sinh năm: 1990 và chị Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

+ Ông Phan Văn Ở, sinh năm: 1968. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Mai Thị Kim N, sinh năm: 1995. Địa chỉ: số C, ấp C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chị Trần Thị Thanh N2, sinh năm: 1994. Địa chỉ: số A, tổ A, khu phố F, phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2022, Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T, Cao Văn N3, Nguyễn Minh T2 và một người đàn ông tên B (không rõ nhân thân, lai lịch), thống nhất rủ nhau đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Từ khoảng tháng 10/2022 đến tháng 09/2023, S, H, T, N3, T2, B thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 15/10/2022, Trương Hoàng S và Cao Văn N3 chuẩn bị 01 chiếc cốp xe, thống nhất cùng nhau đi tìm tài sản là xe ba gác máy để lấy trộm. Sục tìm điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại RAIDER, màu sơn: đen, biển số 59N3-226.31 của S chở N3 ngồi phía sau lưu thông từ nhà trọ của S ở Ấp G, xã L, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh về hướng huyện T, tỉnh Long An để tìm tài sản trộm cắp. Khoảng 02 giờ sáng ngày 16/10/2022, khi điều khiển xe mô tô lưu thông ngang nhà ông Võ Văn T1, tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An, S và N3 phát hiện 01 xe ba gác máy, nhãn hiệu LONCIN, màu sơn: trắng, mang biển số 63B9-851.23 của ông T1 đang đậu trên sân nhà, không có người trông giữ. N3 dùng kim cốp xe cắt ổ khóa số nhãn hiệu “VUONG NIEM” đang khóa cửa rào, S và N3 lên lút đẩy xe ba gác máy ra đường T, N3 điều khiển xe ba gác máy vừa trộm được đem về chợ đầu mối H, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho 01 người đàn ông tên Đ1 (không rõ nhân thân, lai lịch), với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, N3 chia cho S số tiền 3.500.000 đồng. Sục đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 3.500.000 đồng.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐG ngày 04/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T. Kết luận: 01 xe ba gác máy, biển số 63B9-851.23 có giá trị 6.000.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 18 giờ ngày 02/4/2023, Nguyễn Kim H, Trương Hoàng S, Cao Văn N3 và 01 người đàn ông tên B (không rõ nhân thân, lai lịch), thống nhất cùng nhau đi trộm cắp tài sản là xe ba gác máy, bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, S điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Suzuki, số loại Raider, biển số 59N3-226.31 của S, chở N3 ngồi phía sau, B điều khiển xe mô tô hiệu Wave, màu xanh (không rõ biển số) của B chở H ngồi phía sau lưu thông từ nhà trọ của S ở Ấp G, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về hướng huyện T, tỉnh Long An để tìm tài sản trộm cắp. Khi điều khiển xe mô tô lưu thông ngang nhà anh Nguyễn Đức H1, tại ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An, N3, H, S, B phát hiện 02 chiếc xe ba gác máy của anh H1 đang đậu cạnh hông hiên nhà, không người trông giữ. Lúc này, tất cả cùng dừng xe mô tô lại, B trèo qua hàng rào vào bên trong nhà dùng kim cốp xe cắt khóa cổng rào và mở cổng ra, N3 vào phụ B đẩy 02 xe ba gác Tĩnh lộ 837. Sau đó, H điều khiển xe ba gác gắn biển số 60Y2- 8679, trên xe có chở 01 máy đục bê tông hiệu KAIZEN, 02

máy mài góc cầm tay hiệu DCA ASM150A, màu xanh, N3 điều khiển xe ba gác gắn biển số 59Y2- 925.37 cùng lưu thông về hướng huyện T, tỉnh Long An. Sùm và B điều khiển 02 xe mô tô lưu thông phía sau. Đến khoảng 02 giờ 18 phút, cùng ngày tổ tuần tra Công an huyện T, tỉnh Long An dừng 02 phương tiện xe ba gác do H, N3 điều khiển để tiến hành kiểm tra. Sau khi kiểm tra xong, tổ tuần tra Công an huyện T, tỉnh Long An cho H, N3 điều khiển 02 phương tiện xe ba gác rời đi. Sau đó, H và N3 điều khiển 02 xe ba gác về nhà trọ của N3 ở Ấp G, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và đem bán 02 xe ba gác, 01 máy đục bê tông hiệu KAIZEN, 02 máy mài góc cầm tay bán cho một người đàn ông tên Đ1 (không rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 17.000.000 đồng. Sau đó, N3 chia cho H, S, B mỗi người được số tiền 4.000.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐG ngày 11/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận: 01 xe ba gác gắn biển số 59Y2- 925.37, hiệu YINXIANG màu xanh, dung tích xi lanh 175 cm³, có giá trị 11.250.000 đồng; 01 xe ba gác gắn biển số 60Y2- 8679, hiệu LONCIN, màu xanh, dung tích xi lanh 200 cm³, có giá trị 29.137.500 đồng; 01 máy đục bê tông hiệu KAIZEN, mẫu KZ-665 có giá trị 2.768.700 đồng; 02 máy mài góc cầm tay hiệu DCA ASM150A, màu xanh có giá trị 2.565.000 đồng. Tổng giá trị là 45.721.200 đồng.

Tại Bản Kết luận giám định số 563/KL-KTHS ngày 19/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh L. Kết luận: 06 file hình ảnh cần giám định được lưu trữ trong đĩa DVD (ký hiệu A) không phát hiện cắt, ghép.

- Vụ thứ ba: Khoảng 23 giờ ngày 19/9/2023, tại nhà trọ của S ở Ấp G, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. T2 rủ S, H, T về quê của T2 tại huyện C, tỉnh Long An để cùng nhau trộm cắp tài sản, T, S, Hòa đồng ý. Sùm điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Suzuki, số loại Raider, biển số 59N3-226.31 của S chở T; H điều khiển xe mô tô WAVE RSX, không rõ biển số của T2 chở T, cùng đi từ Ấp G, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về hướng huyện C, tỉnh Long An để tìm tài sản trộm cắp. Khi điều khiển xe mô tô lưu thông ngang nhà ông Phan Văn Ổ, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, T2, S, T, H phát hiện xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, màu đỏ-bạc, biển số 62N1-359.72 đang đậu trên sân nhà, không có người trông giữ. Sùm, H, T2 cùng dỡ hàng rào cổng bằng lưới B40 lên, T lén lút đi vào lấy trộm xe mô tô chạy đi về phòng trọ của T ở Ấp G, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến 19 giờ cùng ngày, S kêu T chạy xe vừa trộm được đến ngã tư G thuộc Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 4.000.000 đồng, S chia đều cho T, H, T2 mỗi người được số tiền 1.000.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐG ngày 22/9/2023, của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Long An. Kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, biển số 62N1-359.72 trị giá 21.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 39/CT-VKSTT, ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố các bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Quách Văn T về tội “Trộm cắp tài sản quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo đồng thời phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi vi phạm pháp luật mà các bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính:

Đề nghị căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trương Hoàng S từ 03 năm đến 04 năm tù.

Đề nghị căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Kim H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Đề nghị căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Quách Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về vật chứng trong vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại RAIDER, màu sơn: đen, biển số 59N3-226.31, số máy: CGA1505026, số khung: RLSDL11ANHV104981, nhiều vết trầy xước, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bị cáo Trương Hoàng S, sử dụng vào việc phạm tội; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu sơn đỏ, số IMEI 1: 869383035978196, số IMEI 2: 869383035978188, nhiều vết trầy xước, nứt, gắn sim số 0706842884, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Kim H, sử dụng vào việc phạm tội; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 8 5G, Ram H, màu sơn: vàng (gold), số Imei 1: 868062062485371, số Imei 2: 868062062485363, nhiều vết trầy xước, gắn sim số 0708.932.511, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bị cáo Trương Hoàng S, sử dụng vào việc phạm tội; 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu trắng,

Imel 1: 862625052648244; Imel 2: 862625052648251; sim số: 0767.678.896, là tài sản hợp pháp của Quách Văn T, sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa treo màu vàng hiệu “HENGCHUANR” bị cắt đứt vòng khóa, thu tại hiện trường vụ trộm ngày 02/4/2023; 01 ổ khóa số màu đen hiệu “VUONG NIEM” bị cắt đứt vòng khóa, thu ở hiện trường vụ trộm ngày 16/10/2022; 02 bulong bị gỉ sét, một đoạn dây dù màu xanh dài 30cm, bạc màu, thu ở hiện trường vụ trộm cắp tài sản ngày 20/9/2023.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ Luật hình sự, Điều 589 Bộ Luật dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trương Hoàng S có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Võ Văn T1 và Phùng Thị Đ số tiền là 15.000.000 đồng; bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Đức H1 và Nguyễn Thị Hoàng A số tiền là 40.000.000 đồng; bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Phan Văn Ổ số tiền là 21.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Đức H1, Nguyễn Thị Hoàng A yêu cầu bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền là 40.000.000 đồng; bị hại Võ Văn T1 và Phùng Thị Đ yêu cầu bị cáo Trương Hoàng S bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng; bị hại Phan Văn Ổ yêu cầu các bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền là 21.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị hại Nguyễn Đức H1, Nguyễn Thị Hoàng A, Phan Văn Ổ có yêu cầu bãi nại, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo đồng ý với các yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản của các bị hại.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T trình bày trong thời gian bị tạm giam đã hối hận về hành vi của bản thân, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình, các bị cáo hứa cải tạo tốt, cam kết không vi phạm pháp luật nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định tài sản mà các bị cáo Trương Hoàng S và đối tượng Cao Văn N3 trộm cắp vào ngày 15/10/2022 tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An là tài sản chung của ông Võ Văn T1 và bà Phùng Thị Đ; tài sản mà bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H và đối tượng

Cao Văn N3, cùng với người đàn ông tên B đã trộm cắp vào ngày 02/4/2023 tại ấp N, xã N, huyện T là tài sản chung của anh Nguyễn Đức H1 và chị Nguyễn Thị Hoàng A. Do đó, Hội đồng xét xử bổ sung bà Phùng Thị Đ, chị Nguyễn Thị Hoàng A tham gia tố tụng với tư cách bị hại trong vụ án.

[2] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Việc bổ sung người tham gia tố tụng tại phiên tòa những người tham gia tố tụng thống nhất, không khiếu nại. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định được như sau:

Từ tháng 10/2022 đến tháng 09/2023, Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T, Cao Văn N3, Nguyễn Minh T2 và 01 người đàn ông tên B (không rõ nhân thân, lai lịch), đã lén lút thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản: Vụ thứ nhất do S và N3 thực hiện vào đêm ngày 15/10/2022 tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An, S và H đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe ba gác máy, biển số 63B9-851.23 của ông Võ Văn T1 và bà Phùng Thị Đ, trị giá 6.000.000 đồng; Vụ thứ hai: vào đêm ngày 02/4/2023, tại ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An, S, H, N3, B lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm: 01 xe ba gác gắn biển số 59Y2-925.37, 01 xe ba gác gắn biển số 60Y2-8679, 01 máy đục bê tông hiệu KAIZEN, 02 máy mài góc cầm tay hiệu DCA ASM150A, tất cả đều là tài sản của anh Nguyễn Đức H1 và chị Nguyễn Thị Hoàng A, tổng trị giá tài sản là 45.721.200 đồng; Vụ thứ ba: vào đêm ngày 19/9/2023, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, S, H, T, T2 lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, biển số 62N1-359.72 của ông Phan Văn Ở trị giá 21.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Tại thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Các bị cáo cùng thống nhất ý chí, là đồng phạm trong thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ, phân công vai trò của từng bị cáo, từng lần phạm tội riêng lẻ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Trong đó, bị cáo Trương Hoàng S phạm tội 03 lần với giá trị tài sản chiếm đoạt tổng cộng là 72.721.200 đồng. Nguyễn Kim H phạm tội 02 lần với giá trị tài sản chiếm đoạt tổng cộng là 66.721.200 đồng. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H đã phạm về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quách Văn T phạm tội 01 lần với giá trị tài sản chiếm đoạt là 21.000.000 đồng. Đối với Quách Văn T, ngày 27/8/2014, T bị Toà án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án hình sự số 102/2014/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù tháng 01/2021, chưa được xóa án tích. Đến ngày 16/6/2020 bị Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án hình sự số 65/2020/HS-ST ngày 16/6/2020. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/5/2023, chưa được xóa án tích. Đến ngày 19/9/2023 thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” cùng các bị cáo S, H và đối tượng T2. Hành vi phạm tội của T thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi của Quách Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, thuộc trường hợp định khung tăng nặng hình phạt theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

.....

g) Tái phạm nguy hiểm;”

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Quách Văn

T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Các bị cáo còn trẻ, đang độ tuổi lao động nhưng không có ý chí lao động tạo thu nhập chính đáng mà lại đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm tài sản thuộc quyền quản lý, sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự địa phương, an toàn xã hội, gây bức xúc trong nhân dân. Trong tình hình hiện nay, tội phạm “Trộm cắp tài sản” nói riêng và các tội phạm nói chung có chiều hướng gia tăng. Hành vi của các bị cáo đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến phong trào đấu tranh, phòng chống tội phạm của địa phương. Do đó, hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm theo quy định của pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trên cơ sở xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo khi đồng phạm trong thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo.

[5.1] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ Luật hình sự:

Bị cáo Trương Hoàng S 03 lần thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, với giá trị tài sản chiếm đoạt tổng cộng là 72.721.200 đồng. Bị cáo Nguyễn Kim H phạm tội “Trộm cắp tài sản” 02 lần với giá trị tài sản chiếm đoạt tổng cộng là 66.721.200 đồng. Theo hướng dẫn Công văn 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính: Trường hợp một người thực hiện nhiều lần cùng một loại hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu (ví dụ: nhiều lần phạm tội trộm cắp tài sản), mà tổng trị giá tài sản của các lần phạm tội thỏa mãn dấu hiệu định khung tăng nặng, nếu các lần phạm tội đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thì ngoài việc bị áp dụng khung hình phạt tương ứng với trị giá tài sản chiếm đoạt, họ còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, hành vi của Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Quách Văn T phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” nhưng đã thuộc trường hợp áp dụng định khung tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ Luật hình sự nên không áp dụng tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo Quách Văn T

không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự

[4.2] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Trương Hoàng S đã tác động chị Mai Thị Kim N (sống chung như vợ chồng với S) đã bồi thường 5.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Đức H1; Bị cáo Nguyễn Kim H đã tác động chị Trần Thị Thanh N2 (vợ của Nguyễn Kim H) đã bồi thường 5.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Đức H1 nên bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Ngoài ra, xét thấy bị cáo Nguyễn Kim H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 02 con chưa thành niên, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2023, có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tại phiên tòa, giữa các bị cáo và bị hại đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về trách nhiệm dân sự. Các bị hại cũng yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

[5.3] Về vị trí, vai trò của các bị cáo trong đồng phạm:

Các bị cáo không có bàn bạc, câu kết chặt chẽ, phân công vai trò của từng người khi thực hiện mà các bị cáo đều là người thực hành khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Bị cáo Trương Hoàng S trực tiếp thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” 03 lần với vai trò là người thực hành.

Bị cáo Nguyễn Kim H trực tiếp thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” 02 lần với vai trò là người thực hành.

Bị cáo Quách Văn T trực tiếp thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” 01 lần với vai trò là người thực hành.

[5.4] Về nhân thân:

Các bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Quách Văn T có nhân thân xấu, đã có 02 tiền án: Ngày 27/8/2014, bị Toà án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án hình sự số 102/2014/HS-ST, chưa được xóa án tích. Đến ngày 16/6/2020 bị Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án hình

sự số 65/2020/HS-ST ngày 16/6/2020, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/5/2023, chưa được xoá án tích;

[6] Trên cơ sở những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và nhằm đảm bảo răn đe, phòng ngừa chung, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm. Đối với bị cáo Trương Hoàng S có 03 lần thực hiện hành vi phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng lại có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên quyết định hình phạt đối với bị cáo S cao hơn bị cáo Nguyễn Kim H, Quách Văn T. Bị cáo Nguyễn Kim H có 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng lại có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên quyết định hình phạt thấp hơn bị cáo S. Bị cáo Quách Văn T có 01 lần thực hiện hành vi phạm tội, có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 nhưng thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên hình phạt áp dụng đối với T thấp hơn S nhưng ngang với H.

[7] Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng căn cứ pháp luật, về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: theo quy định khoản 5 điều 173 BLHS, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[9] Về vật chứng trong vụ án:

Căn cứ Điều 47 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự, xử lý vật chứng như sau:

[9.1] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại RAIDER, màu sơn: đen, biển số 59N3-226.31, số máy: CGA1505026, số khung: RLSDL11ANHV104981, nhiều vết trầy xước, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bị cáo Trương Hoàng S đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9.2] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu sơn đỏ, số IMEI 1: 869383035978196, số IMEI 2: 869383035978188, nhiều vết trầy xước, nứt, gắn sim số 0706842884, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Kim H, sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9.3] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 8 5G, Ram H, màu sơn: vàng (gold), số Imei 1: 868062062485371, số Imei 2: 868062062485363, nhiều vết trầy xước, gắn sim số 0708.932.511, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp

của bị cáo Trương Hoàng S, đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9.4] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu trắng, Imel 1: 862625052648244; Imel 2: 862625052648251; sim số: 0767.678.896, là tài sản hợp pháp của Quách Văn T, đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9.5] Đối với 01 ổ khóa treo màu vàng hiệu “HENGCHUANR” bị cắt đứt vòng khóa thu tại hiện trường vụ trộm ngày 02/4/2023; 01 ổ khóa số màu đen hiệu “VUONG NIEM” bị cắt đứt vòng khóa, thu ở hiện trường vụ trộm ngày 16/10/2022; 02 bulong bị gỉ sét, một đoạn dây dù màu xanh dài 30cm, bạc màu, thu ở hiện trường vụ trộm cấp tài sản ngày 20/9/2023, vật chứng không có trị sử dụng, các bị hại không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

[10.1] Sau khi các bị cáo trộm cắp tài sản của các bị hại, bị các đã bán tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Sau khi sự việc xảy ra, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác định được nhân thân, lý lịch, địa chỉ của người mua tài sản nên không thu hồi được tài sản của các bị hại đã. Do tài sản của bị hại không thu hồi được nên các bị hại yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường giá trị bằng tiền. Cụ thể, bị hại Võ Văn T1 yêu cầu bị cáo Trương Hoàng S bồi thường số tiền là 30.000.000 đồng, bị hại Nguyễn Đức H1 yêu cầu bị can Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H bồi thường số tiền là 50.000.000 đồng, bị hại Phan Văn Ở yêu cầu bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T bồi thường số tiền là 21.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo H đã tác động chị Trần Thị Thanh N2 (vợ của H) đã bồi thường 5.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Đức H1, bị cáo Trương Hoàng S đã tác động chị Mai Thị Kim N (sống chung như vợ chồng với S) đã bồi thường 5.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Đức H1.

Tại phiên tòa, bị hại Võ Văn T1 và Phùng Thị Đ yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng; bị hại Nguyễn Đức H1 và Nguyễn Thị Hoàng A yêu cầu bị cáo H, S bồi thường tiếp số tiền còn lại là 40.000.000 đồng; bị hại Phan Văn Ở yêu cầu bị cáo H, S, T liên đới bồi thường số tiền là 21.000.000 đồng. Các bị cáo thống nhất với yêu cầu bồi thường thiệt hại của các bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy sự thống nhất thỏa thuận giữa các bị cáo và các bị hại phù hợp quy định của pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận nêu trên.

[10.2] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Trần Thị Thanh N2, Mai Thị Kim N: Chị N2, chị N đã được các bị cáo Nguyễn Kim H, Trương Hoàng S tác động nhờ bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Đức H1 mỗi người 5.000.000đ. Chị N2, N không yêu cầu bị cáo H, S trả lại tiền nên không đề cập.

[11] Đối với các đối tượng đã cùng các bị cáo S, H, T thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”

[11.1] Đối với Cao Văn N3: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Long An đã ra Quyết định khởi tố bị can số 114/QĐ-ĐCSHS ngày 26/9/2023 và Lệnh bắt bị can để tạm giam số 15/LB-CSĐT ngày 26/9/2023 nhưng đến nay vẫn chưa bắt được bị can. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định tách vụ án hình sự số 01/QĐ-CSĐT ngày 31/10/2023 đối với hành vi của bị can Cao Văn N3 để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định pháp luật.

[11.1] Đối với Nguyễn Minh T2 hiện nay không có mặt tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Long An chưa làm việc được đối với T2 nên đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 01/QĐ-ĐTTH ngày 27/10/2023 đối với hành vi của Nguyễn Minh T2 để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định pháp luật.

[11.2] Đối với người đàn ông tên B (không rõ nhân thân, lai lịch). Bị can Nguyễn Kim H, Trương Hoàng S, Quách Văn T đều không biết nhân thân, lai lịch của B. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xác định được nhân thân, lai lịch của B nên chưa có cơ sở xem xét xử lý trong vụ án.

[11.3] Đối với người đàn ông tên Đ1 (không rõ nhân thân, lai lịch) mua tài sản là xe ba gác, máy đục bê tông, máy mài góc do bị cáo Nguyễn Kim H, Trương Hoàng S, đối tượng Cao Văn N3, đối tượng B đã trộm cắp. Bị cáo H, S, T đều không biết nhân thân, lai lịch của Đ1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xác định được nhân thân, lai lịch của Đ1 nên không có cơ sở xem xét xử lý trong vụ án.

[11.4] Đối với người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) mua tài sản do bị cáo Trương Hoàng S, Quách Văn T trộm cắp. Bị cáo S, T không biết nhân thân, lai lịch của người thanh niên này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xác định được nhân thân, lai lịch của người thanh niên này nên không có cơ sở xem xét xử lý.

[11] Về án phí: Các bị cáo mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính:

2.1 Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Trương Hoàng S 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 21/9/2023).

2.2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Kim H 02 (Hai) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 20/9/2023).

2.3. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Quách Văn T 02 (Hai) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 22/9/2023).

3. Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (22/02/2024) để đảm bảo thi hành án.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự,

4.1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước các vật chứng như sau:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại RAIDER, màu sơn: đen, biển số 59N3-226.31, số máy: CGA1505026, số khung: RLSDL11ANHV104981, nhiều vết trầy xước, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu sơn đỏ, số IMEI 1: 869383035978196, số IMEI 2: 869383035978188, nhiều vết trầy xước, nứt, gắn sim số 0706842884, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 8 5G, Ram H, màu sơn: vàng (gold), số Imei 1: 868062062485371, số Imei 2: 868062062485363, nhiều vết trầy xước, gắn sim số 0708.932.511, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu trắng, Imel 1: 862625052648244; Imel 2: 862625052648251; sim số: 0767.678.896.

4.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 ổ khóa treo màu vàng hiệu “HENGCHUANR” bị cắt đứt vòng khóa, thu tại hiện trường vụ trộm ngày 02/4/2023; 01 ổ khóa số màu đen hiệu “VUONG NIEM” bị cắt đứt vòng khóa, thu ở hiện trường vụ trộm ngày 16/10/2022; 02 bulong bị gỉ sét, một đoạn dây dù màu xanh dài 30cm, bạc màu.

Tất cả vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/12/2023.

5. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ Luật hình sự; Điều 288, 584, 589 Bộ Luật dân sự;

5.1. Buộc bị cáo Trương Hoàng S bồi thường cho bị hại Võ Văn T1 và Phùng Thị Đ số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)

5.2. Buộc bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Đức H1 và Nguyễn Thị Hoàng A số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

5.3. Buộc bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T bồi thường cho bị hại Phan Văn Ở số tiền là 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng).

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

6.1. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6.2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bị cáo Trương Hoàng S phải chịu 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H phải liên đới chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T phải liên đới chịu 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

7. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Kim H, Quách Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Công an huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA